

Số: .66/2020/QĐST-HNGĐ

T. H, ngày 26 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T. H, TH.NH PHỐ H. N**

Căn cứ Điều 2.2, 2.3 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 20.5;
Căn cứ Điều 55, 58, 8., 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 20.4;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 20.5;
Căn cứ Nghị quyết số 326/20.6/UBTVQH.4 ngày 30..2.20.6 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải tH.nh ngày .8 tháng 8 năm 2020.

Sau khi nghiên cứu H sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số .84/2020/TLST-HNGĐ ngày .3 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Chị Trần Ngọc L, sinh năm .993;** Hộ khẩu thường trú và trú tại: Số 3, ngách .25/33, đường T K, phường T K, quận T. H, TP H. N;

- **Anh H. Như Phương D, sinh năm .99.;** Hộ khẩu thường trú: Số 3, ngách .25/33, đường T K, phường T K, quận T. H, TP H. N; Trú tại: Thôn B X, xã T X, huyện T2 T, tỉnh T2 B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[.] Chị Trần Ngọc L và anh H. Như Phương D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày .5/5/20.8 tại ủy ban nhân dân phường T K, quận T. H, TP H. N, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh, chị cùng xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, lối sống. Anh, chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị L, anh D là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị L, anh D cùng xác nhận anh chị có 0. con chung là H. Minh Q, sinh 0./6/20.9. Anh chị thỏa thuận sau ly hôn giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh D tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng, từ tháng 8 năm 2020 đến khi con chung tH.nh niên, đủ .8 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, nH. ở, công nợ chung: Chị L, anh D cùng xác nhận anh chị không có, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị L tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm chị L đã nộp tại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 000408. ngày .3/8/2020 tại Chi cục Thi H.nh án dân sự quận T. H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không tH.nh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

.. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc L và anh H. Như Phương D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị L, anh D có 0. con chung là H. Minh Q, sinh ngày 0./6/20.9.

Giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung H. Minh Q đến khi con chung tH.nh niên, đủ .8 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh D tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đ(hai triệu đồng)/tháng, từ tháng 8 năm 2020 đến khi con chung tH.nh niên, đủ .8 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, nH. ở, công nợ chung: Chị L, anh D cùng xác nhận anh chị không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Ngọc L tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền chị L đã nộp tại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 000408. ngày .3/8/2020 tại Chi cục Thi H.nh án dân sự quận T. H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban H.nh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận T. H;
- UBND phường T K, quận T. H, HN
(đăng ký kết hôn số 33, quyển 0./20.8);
- Lưu H sơ.

THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....^(.)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐST-HNGĐ⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Căn cứ⁽³⁾..... Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ⁽⁴⁾..... Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 20.5;

Căn cứ Nghị quyết số 326/20.6/UBTVQH.4 ngày 30-.2-20.6 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu H sơ việc dân sự thụ lý số...../...../TLST-HNGĐ⁽⁵⁾ ngàythángnăm..... về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁶⁾.....

.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽⁷⁾.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:⁽⁸⁾

[.].....

.....

[2].....

.....

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không tH.nh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

.. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

.....
- Về con chung:

.....
- Về tài sản chung:

.....
- Về các vấn đề khác:.....

.....
2. Về lệ phí Tòa án:

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban H.nh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: H sơ việc dân sự.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 3.-VDS:

(.) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, tH.nh phố thuộc tỉnh, tH.nh phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, tH.nh phố thuộc tỉnh, tH.nh phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, tH.nh phố H. N); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, tH.nh phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (tH.nh phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh H. Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những N dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không tH.nh. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].